TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 725/2024/DS- PT
Ngày: 11/12/2024
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Toàn Giang
Các Thẩm phán: Ông Chu Tuấn Anh
Ông Trương Chí Anh

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Ông Đỗ Hưng Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng **-** Kiểm sát viên

Ngày 11/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 465/2024/DSPT ngày 11/11/2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

Do Bản án sơ thẩm số: 36/2024/DS- ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân quận H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 541/QĐXX-PT ngày 28/11/2024, giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;

Trụ sở: 266-268 N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản ngân hàng S (Công ty S1).

Địa chỉ: B N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện: Ông Lê Ngọc T – Tổng giám đốc.

Văn bản ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ký ngảy 12/10/2022 của Tổng giám đốc ngân hàng TMCP S.

Người đại diện tham gia tố tụng: ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1992, nhân viên Công ty TNHH MTQ quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng S.

2. Bị đơn: Ông Bùi Đức D1, sinh năm 1989;

HKTT: P1940-HH4A lô CC6 Bán đảo L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

(Tại phiên tòa có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại cấp sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S trình bày như sau:

Ngày 07/11/2017, ông D1 có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng(bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông D1, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng số 436438-4262 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 181.512.327 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ, ông D1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 197.522.000 đồng (thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, ông D1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/11/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn(điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn: 2.4%/ tháng x 150% = 3.6%/ tháng. Số tiền chuyển quá hạn là: 32.760.053 đồng. Kể từ ngày chuyển quá hạn ông D1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 19.000.000 đồng vào ngày 05/5/2023(được trừ vào gốc). Tính đến ngày 05/8/2024, ông D1 còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 13.760.053 đồng; Lãi quá hạn: 28.610.928 đồng. Tổng cộng: 42.370.981 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích của Ngân hàng TMCP S, bằng đơn này, Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông Bùi Đức D1 ra trước Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội kính đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

(1). Buộc ông Bùi Đức D1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 05/8/2024 là: 42.370.981 đồng (gồm Nợ gốc: 13.760.053 đồng; Lãi quá hạn: 28.610.928 đồng)

(2). Buộc ông Bùi Đức D1 thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 05/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ gốc theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Bùi Đức D1 trình bày: Việc ký hợp đồng và sử dụng thẻ đúng như Ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, quá trình sử dụng ông D1 đã thanh toán cả gốc và lãi là: 197.522.000 đồng, số tiền đã vượt quá số nợ gốc ban đầu. Dư nợ gốc hiện tại của ông D1 là: 13.760.053 đồng. Do Ngân hàng không thông báo với ông về vấn đề lãi phát sinh nên tôi không nắm được vì ông D1 đã từng cam kết với cán bộ tín dụng ngân hàng là khoanh lại gốc và không tính lãi phát sinh nữa. Nay Ngân hàng khởi kiện, ông đề nghị trả gốc và miễn toàn bộ lãi. Ông D1 cam kết, đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân, không liên quan đến ai khác.

Bản án sơ thẩm số: 36/2024/DS- ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân quận H đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Bùi Đức D1.

Buộc ông Bùi Đức D1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ký ngày 07/11/2017 tính đến ngày 05/8/2024 như

sau: Nợ gốc: 10.035.271 đồng. Lãi quá hạn: 23.326.716 đồng. Lãi trong hạn và phí phạt: 3.724.782 đồng. Tổng nợ: 37.086.769 đồng

2. Kể từ ngày 06/8/2024, ông Bùi Đức D1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ký ngày 07/11/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc đòi ông Bùi Đức D1 phải trả 5.284.212 đồng tiền nợ gốc và lãi quá hạn.

Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên toà:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

- Bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Người kháng cáo thực hiện kháng cáo trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Buộc ông Bùi Đức D1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 05/8/2024 là: 42.370.981 đồng (gồm Nợ gốc: 13.760.053 đồng; Lãi quá hạn: 28.610.928 đồng). Thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 05/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ gốc theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Căn cứ hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các đương sự, xác định:

Ngày 07/11/2017, ông Bùi Đức D1 ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Trên cơ sở thu nhập của ông D1, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng số 436438-4262 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Xét, Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và ông Bùi Đức D1 có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của các điều 117, 119 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 181.512.327 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông D1 đã thanh toán số tiền 197.522.000 đồng. Sau đó ông D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ ngày 16/11/2021.

Xét, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, tóm tắt sao kê do nguyên đơn xuất trình xác định dư nợ gốc của ông Dương T1 đến ngày 15/11/2021 là: 29.035.271 đồng. Ngày 15/5/2023, ông D1 thanh toán thêm số tiền 19.000.000 đồng, do đó dư nợ gốc ông D1 còn nợ ngân hàng là 10.035.271 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông D1 thanh toán trả nợ gốc là đúng. Tuy nhiên Ngân hàng cho rằng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thì ông D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 16/11/2024 và yêu cầu ông D1 thanh toán trả nợ gốc bao gồm cả các khoản phí và lãi suất là không phù hợp.

Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng về yêu cầu trả nợ gốc, buộc ông D1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 10.035.271 đồng là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015

[2.2] Đối với kháng cáo của Ngân hàng về việc yêu cầu trả tiền lãi:

Như đã phân tich nêu trên, ngày 16/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông D1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Lãi suất thỏa thuận là 2.4%/tháng. Nhưng Ngân hàng tính lãi suất đối với toàn bộ dư nợ bao gồm cả nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí là không phù hợp với quy định của Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội Đồng Thẩm Phán Tòa Án Nhân Dân Tối Cao. Do đó, lãi suất quá hạn chỉ được áp dụng đối với khoản nợ gốc, như vậy tính đến thời điểm xét xử lãi suất được xác định như sau:

Từ ngày 16/11/2021 đến ngày 15/5/2023: 29.035.271 đồng x 2.4%/ tháng x 150% : 30 ngày x 515 ngày = 17.943.797 đồng.

Từ ngày 16/5/2023 đến ngày xét xử 05/8/2024: 10.035.271 đồng x 2.4%/ tháng x 150% : 30 ngày x 447 ngày = 5.382.919 đồng

Tổng cộng lãi quá hạn: 17.943.797 đồng + 5.382.919 đồng = 23.326.716 đồng.

[2.3]. Về phí trễ hạn, lãi trong hạn và các khoản phí khác trong quá trình sử dụng thẻ: Tại hợp đồng sử dụng thẻ các bên có thỏa thuận về các khoản phí nên các yêu cầu này là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận là: 3.724.782 đồng.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tổng cộng gốc và lãi, phí là: 37.086.769 đồng là có căn cứ.

Kháng cáo của Nguyên đơn không phù hợp nên không được chấp nhận.

[2.4]. Quan điểm của Đại diện VKSND Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử.

[3] Về án phí: Bản án sơ thẩm đã quyết định về án phí dân sự sơ thẩm phù hợp với quy định của pháp luật nên giữ nguyên.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 275, 280, 117, 119, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP S. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 36/2024/DS- ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân quận H và Quyết định như sau:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Bùi Đức D1.

Buộc ông Bùi Đức D1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ký ngày 07/11/2017 tính đến ngày 05/8/2024 như sau:

Nợ gốc: 10.035.271 đồng.

Lãi quá hạn: 23.326.716 đồng

Lãi trong hạn và phí phạt: 3.724.782 đồng

Tổng nợ: 37.086.769 đồng

[2]. Kể từ ngày 06/8/2024, ông Bùi Đức D1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ký ngày 07/11/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3]. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc đòi ông Bùi Đức D1 phải trả 5.284.212 đồng tiền nợ gốc và lãi quá hạn.

[4]. Về án phí:

- Ông Bùi Đức D1 phải chịu 1.854.338 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011383 ngày 04/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, Ngân hàng TMCP S được hoàn trả 700.000 đồng.

Ngân hàng TMCP S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0033650 ngày 16/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm xét xử công khai và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Q. H;
- VKSNDTP Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. H
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Toàn Giang